

Bản án số: **64/2017/HSST**

Ngày 18/08/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ – HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Dung**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Minh - Chủ tịch MTTQ xã Tòng Bạt, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Ông Nguyễn Văn Trình – Cán bộ hưu trí thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Hải** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Anh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 65/2017/HSST ngày 20/07/2017 đối với các bị cáo:

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 65/2017/HSST ngày 20/7/2017 đối với:

1. Các bị cáo:

NGUYỄN VĂN D, sinh năm 1997; Nơi đăng ký HKTT: Thôn CQ, xã CM, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/10/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội. (Bị cáo cáo mặt tại phiên tòa).

ĐẶNG TIẾN M, sinh năm 1991; Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa:

09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đặng Anh C, sinh năm 1974 và bà Lê Thị Q, sinh năm 1972; Vợ là Hoàng Thị K, sinh năm 1991; Có hai con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam trong một vụ án khác từ ngày 11/02/2017 đến nay đang chấp hành hình phạt tù của bản án số 46/2017 HSST ngày 22/06/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Người bị hại: Chị Đinh Thị T, sinh năm 1981

Trú tại: Khu 9, xã T, huyện TS, tỉnh PT

Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1989

Trú tại: Thôn L, xã PC, huyện BV, thành phố HN

Có mặt tại phiên tòa

4. Người làm chứng:

Anh Phùng Xuân Tr, sinh năm 1995

Trú tại: Thôn D, xã ĐL, thị xã ST, thành phố HN

Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 06/09/2016, Nguyễn Văn D đi chơi đến khu vực cổng Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì thì gặp bạn là Phùng Xuân Tr đang ngồi ăn đêm cùng chị Đinh Thị T. D nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy biển kiểm soát 29V-4800 của chị Đinh Thị T mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân. D hỏi anh Tr và chị T cho em mượn xe một lát. Tr hỏi D “mượn xe đi đâu”, D trả lời: “Em đi vào phòng trọ của ông anh một lúc thôi”, do D quen biết với Tr nên chị T đồng ý cho T mượn xe. Sau khi mượn được xe của chị T, D không đi vào phòng trọ như đã nói mà điều khiển x đi thẳng lên khu vực ngã tư Mơ, xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì. Trên đường đi, D điện thoại cho Đặng Tiến M nhờ M cầm cố hộ chiếc xe vừa mượn được của chị T. D và M hẹn gặp nhau ở dốc VS, xã TH. Tại đây D bảo M anh có chỗ nào cầm hộ em chiếc xe máy này. M hỏi xe của ai, D nói xe của một người bạn, M đồng ý rồi điện thoại cho một vài người bạn để cầm xe nhưng do đêm khuya không cầm cố được. Sau đó cả hai người mỗi người một xe đi lên khu vực xã Cổ Đô chơi khoảng một giờ sau cả hai về nhà M ngủ. Ngày hôm sau, M van với D và cùng nhau tháo bỏ biển kiểm soát 29V9-4800 để dễ tiêu thụ, tháo

xong biển số M mang xe đi gặp Nguyễn Duy H để nhờ cầm cố. H hỏi M xe của ai thì M trả lời: “xe của gia đình chứ không phải xe ăn cắp, giấy tờ bố mẹ tôi đang giữ” H hỏi m “xe không có biển à” thì M trả lời “xe vừa tháo biển hôm qua vì nó bị gãy một ben ốc nên không muốn để biển”. H tin lời M và nói với M xe này cầm được 3 triệu nhưng phải về lấy giấy tờ và biển kiểm soát xuống và M đồng ý. Sau đó cả hai đi về nhà H ở xã PC, H vào nhà lấy 2.700.000đ đưa cho M nói cắt 300.000đ tiền lãi. H hỏi M bao giờ lấy xe? M trả lời “khoảng ba, bốn ngày thì lấy”, rồi M cầm tiền đi về và cùng D tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Tuy nhiên sau thời hạn ba, bốn ngày, H đợi không thấy m mang giấy tờ và biển số xe xuống, ngày 16/09/2016 H dùng chiếc xe trên chở vợ là Lương Thị K đi thăm người quen tại ngõ 179/187 phường VH, quận HM, HN. Tại đây H bị công an phường kiểm tra hành chính và tạm giữ chiếc xe máy trên để xác minh.

Ngày 04/05/2017, Công an phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội đã bàn giao 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, có số khung 260941, số máy 6260927 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Vì để xử lý theo quy định của pháp luật.

Qua điều tra, xác minh, Đội cảnh sát hình sự Công an huyện Ba Vì đã phát hiện và thu giữ được biển số 29V9-4800 mà D và M đã tháo. D đem gắn vào chiếc xe mô tô khác.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Vì, Nguyễn Văn D và Đặng Tiến M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 10/11/2016 Cơ quan Cảnh sát Điều tra ra quyết định số 75/QĐCSĐT trung cầu định giá tài sản. Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba Vì số 71/2016/HĐ-ĐGTS ngày 22/11/2016 đã kết luận: Một chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 29V-4800, số khung 6260941, số máy 6260927 đã qua sử dụng, trị giá 8.000.000đ.

Sau khi thực hiện hành vi chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có chưa bị phát hiện thì Đặng Tiến M lại tiếp tục thực hiện hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” bị bắt quả tang Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Vì ra Quyết định khởi tố bị can số 62 ngày 17/02/2017, đồng thời ra lệnh tạm giam đối với M để phục vụ điều tra ở vụ án khác.

Đối với anh Nguyễn Duy H là người đã cho M để lại chiếc xe để làm tin và cho M vay tiền. Anh H không biết chiếc xe mô tô mà M mang đến là tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh H. Tuy nhiên Cơ quan điều tra cũng nhắc nhở anh H rút kinh nghiệm để răn đe phòng ngừa chung.

Về dân sự: Chị Đinh Thị T đã nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, số khung 260941, số máy 6260927 biển kiểm soát 29V9-4800 và không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Đối với số tiền 2.700.000đ anh Nguyễn Duy H đã cho M vay (cầm cố) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, số khung 260941, số máy 6260927. Nay anh H không yêu cầu Nguyễn Văn D và Đặng Tiến M phải hoàn lại cho H..

Bản cáo trạng số 55/CT-VKS ngày 16/05/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự, truy tố Đặng Tiến M về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa giữ quyền công tố phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

*Áp dụng khoản 1, Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ ngày 12 tháng đến 15 tháng tù.

*Áp dụng khoản 1, Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Tiến M từ 06 đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng và tài sản do phạm tội mà có: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an Huyện Ba Vì thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Về hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn D và Đặng Tiến M: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Văn D và Đặng Tiến M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đã nêu. Xét Lời khai của các bị cáo đều phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 21 giờ ngày 06/09/2016, lợi dụng sự quen biết với anh Phùng Xuân Tr, Nguyễn Văn D đã có hành vi dùng thủ đoạn, lời nói gian dối nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Đinh Thị T. D giả vờ hỏi anh Tr và chị T cho mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, số khung 260941, số máy 6260927 biển kiểm soát 29V9-4800 của chị Đinh Thị T để đi vào phòng trọ gặp người quen nhưng khi được chị T cho mượn xe thì D không vào phòng trọ như đã hỏi chị T và anh Tr mà điều khiển xe đi thẳng lên dốc Vân Xa, xã Tân Hồng, huyện Ba Vì để cùng Đặng Tiến M đem chiếc xe của chị T đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân. Chiếc xe trên được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba Vì kết luận có trị giá 8.000.000đ. Hành vi của bị cáo D đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Đặng Tiến M biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, số khung 260941, số máy 6260927 biển kiểm soát 29V9-4800 không phải là của D. M không những không can ngăn D để trả cho người bị hại mà còn chứa chấp, giúp sức để tiêu thụ, được thể hiện M đã bàn với D và D tháo bỏ biển kiểm soát 29V9-4800 để dễ tiêu thụ, M trực tiếp mang xe gặp Nguyễn Duy H để cầm cố lấy 2.700.000đ (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*) và cùng D tiêu xài hết số tiền trên. Tuy nhiên giữa D và M không có sự thống nhất, bàn bạc từ trước, M cũng không hứa hẹn chứa chấp tiêu thụ tài sản do D phạm tội mà có nên M không đồng phạm với Nguyễn Văn D về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hành vi của Đặng Tiến M đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự. Do vậy việc truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự; Truy tố Đặng Tiến M về tội "*Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với Nguyễn Duy H cho bị cáo M vay tiền và thực hiện biện pháp bảo đảm bằng việc cầm cố xe máy biển kiểm soát 29V9-4800. Quá trình điều tra chứng minh anh H không biết tài sản do người khác phạm tội mà có, cơ quan điều tra chứng minh anh H không biết tài sản đó là do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan Điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H mà thực hiện biện pháp nhắc nhở, giáo dục với H để răn đe và phòng ngừa là đúng.

Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà nó còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an địa phương xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân, từ đó làm mầm mống phát sinh các loại tội phạm khác. Do vậy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về tình tiết tăng nặng nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại p khoản 1, Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999.

Qua phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian theo điều 33 Bộ luật hình sự mới đủ sức giáo dục bị cáo trở thành người công dân lương thiện.

Đối với Đặng Tiến M sau khi thực hiện hành vi “*chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” chưa bị phát hiện thì M lại tiếp tục thực hiện hành vi “*Mua bán trái phép chất ma túy*” (bản án số 46/2017 HSST ngày 22/06/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã xét xử bị cáo Đặng Tiến M 26 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy). Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ quyết định hình phạt của tội mới sau đó tổng hợp hình phạt chung của bản án số 46/2017 HSST ngày 22/06/2017, thời gian tạm giam sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù theo quy định tại Điều 33 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung, tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự còn quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng và khoản 5 Điều 250 Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng. Xét thấy các bị cáo Nguyễn Văn D và Đặng Tiến M sống phụ thuộc vào gia đình, điều kiện hoàn cảnh kinh tế

gia đình khó khăn. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về tài sản do phạm tội mà có: Bị cáo M cầm cố xe máy biển kiểm soát 29V9-4800 cho anh H được số tiền 2.700.000đ các bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết. Cơ quan Điều tra đã thu giữ chiếc xe máy trên và đã trả lại cho người bị hại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa anh H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền trên. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tiền thu lợi bất chính nên cần xử lý theo quy định của pháp luật. Cần buộc hai bị cáo Nguyễn Văn D và bị cáo Đặng Tiến M phải nộp 2.700.000đ tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave, số khung 260941, số máy 6260927 biển kiểm soát 29V9-4800 là tài sản của chị Đinh Thị T. Sau khi làm rõ các tình tiết liên quan, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã trả lại chiếc xe máy trên cho chị Đinh Thị T.

Về dân sự: Chị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm; Anh Nguyễn Duy H tự nguyện không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 2.700.000đ anh đã đưa cho M để cầm cố chiếc xe trên. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Xử: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn D** phạm tội “*Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản*”; Bị cáo **Đặng Tiến M** phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D **12 (Mười hai)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt giam giữ (18/02/2017).

Áp dụng: Khoản 1 Điều 250, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33, điểm a, khoản 1 Điều 50, Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Tiến M **08 (Tám)** tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Tổng hợp hình phạt 26 (*Hai mươi sáu*) tháng tù của bản án số 46/2017/HSST ngày 22/06/2017. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **34 (Ba mươi tư)** tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 11/02/2017.

Miễn hình phạt tiền cho các bị cáo.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Buộc hai bị cáo Nguyễn Văn D và bị cáo Đặng Tiến M phải nộp 2.700.000đ (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*) tiền thu lời bất chính để sung công quỹ Nhà Nước. Cụ thể bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 1.350.000đ (*Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) và bị cáo Đặng Tiến M phải nộp 1.350.000đ (*Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn D và Đặng Tiến M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4./ Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Áp dụng Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Ba Vì
- Công an huyện Ba Vì;
- Chi cục THADS h. Ba Vì;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dung

